

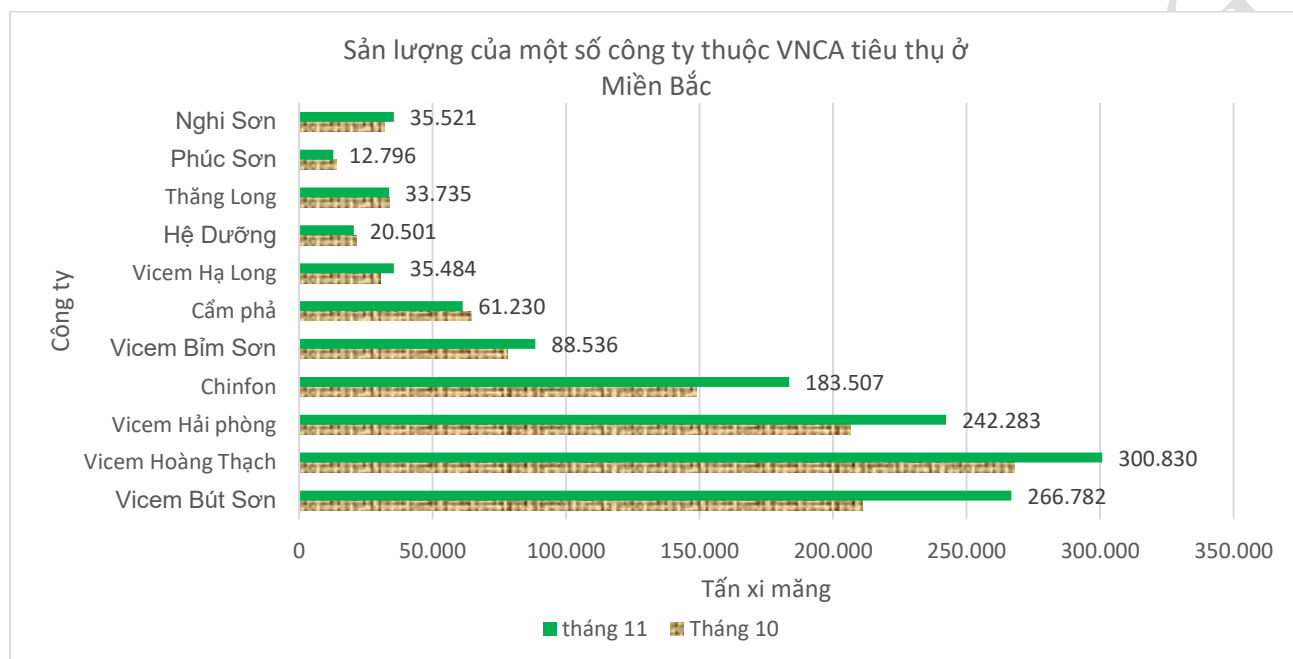
TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG XI MĂNG VIỆT NAM THÁNG 11/2021

A- TIÊU THU NỘI ĐỊA:

I.Thị trường xi măng miền Bắc:

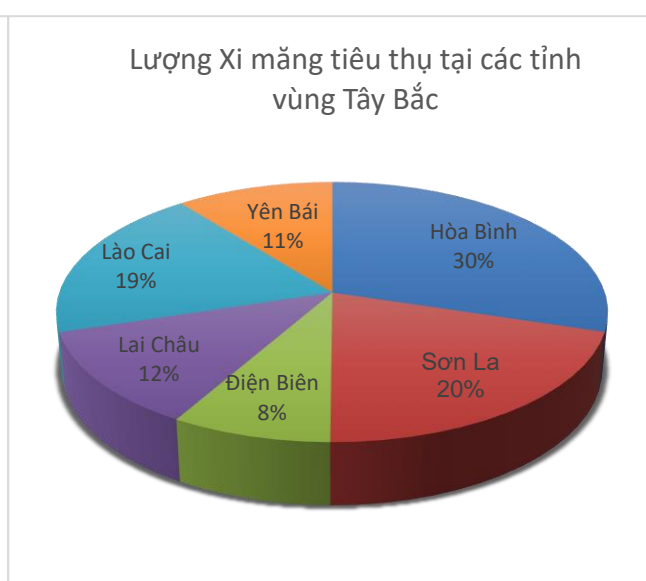
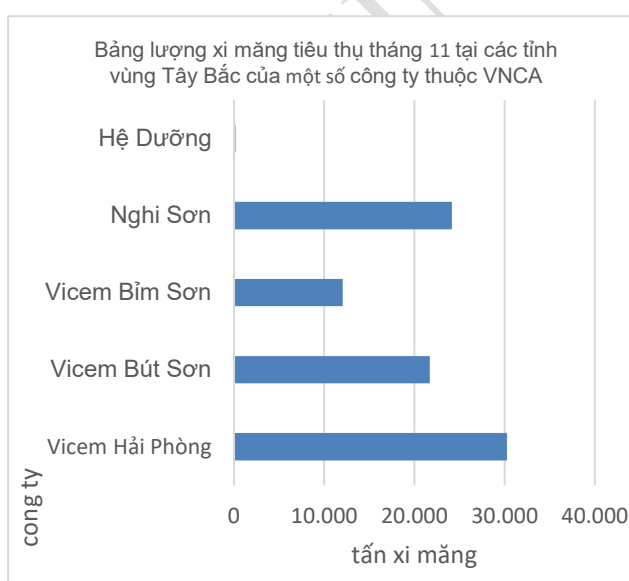
Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Bắc tháng 11/2021 là: 2.136.702 tấn (tháng 10 là 1.902.857 tấn).

Sản lượng tiêu thụ tại miền Bắc của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:

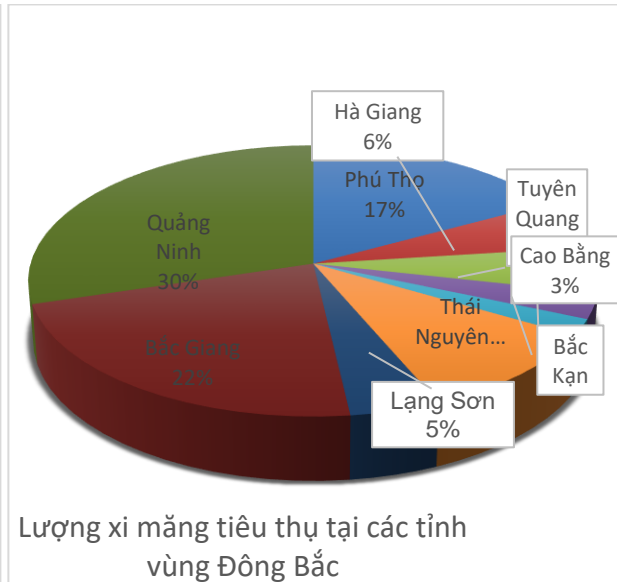
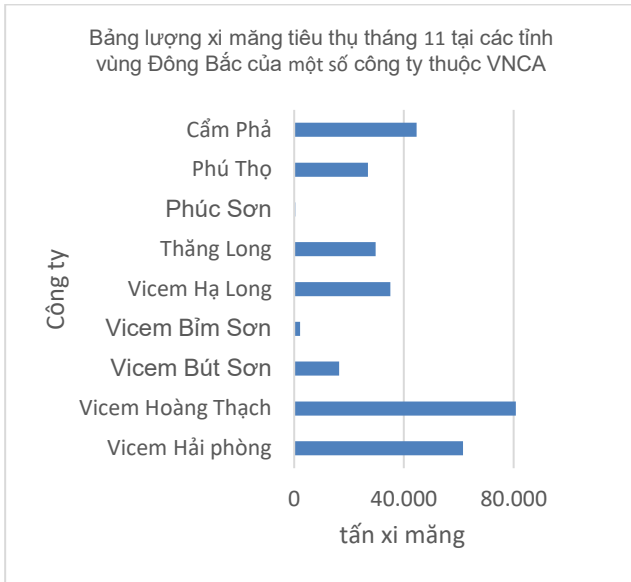


Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Bắc trong tháng 11/2021 như sau:

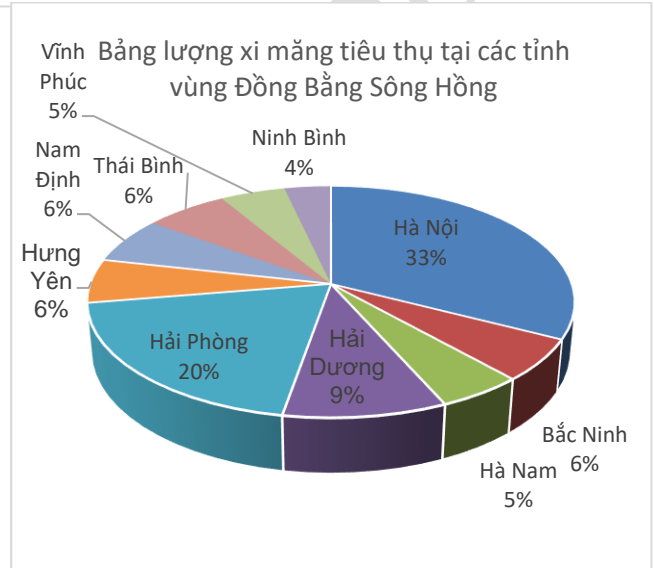
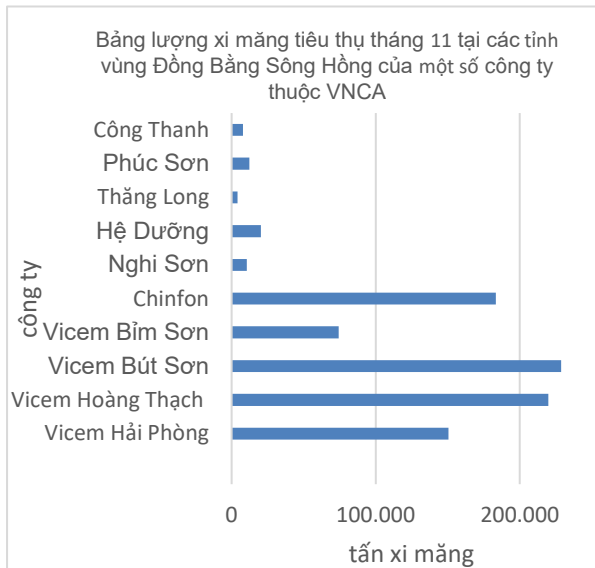
VÙNG TÂY BẮC:



VÙNG ĐÔNG BẮC:



VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG:



Giá bán lẻ một số chủng loại xi măng trên địa bàn Miền Bắc như sau:

Giá không ghi chú chủng loại thì được hiểu là giá PCB 30 (đơn vị: nghìn đồng/tấn)

1. Tại Yên Bái:

- XM Yên Bái: 1.230 (giá tại nhà máy)
- XM Tam Điệp: 1.540

2. Tại Lạng Sơn:

- XM Hoàng Thạch: 1.520
- XM Lạng Sơn: 1.000

3. Tại Thái Nguyên:

- XM La Hiên: 1.290
- XM Quang Sơn: 1.320
- XM Tuyên Quang: PCB 30: 1.180 PCB 40: 1.280

4. Tại Quảng Ninh:

- XM Hoàng Thạch: 1.520
- XM Phúc Sơn: 1.410
- XM Chin Fon: 1.420
- XM Lam Thạch : 1.260
- XM Thăng Long PCB 40 1.350
- XM Hạ Long PCB 40 1.390
- XM Cầm phả PCB 40 1.360

5. Tại Bắc Ninh:

- Xi măng Hoàng Thạch: 1.490
- XM Cầm Phả PCB 40: 1.380

- XM Phúc Sơn: 1.410
- XM Nghi Sơn PCB40: 1.450
- XM Chin Fon: 1.480

6. Tại Bắc Giang:

- XM Hoàng Thạch: 1.490

- XM Cẩm Phả PCB 40: 1.410
- XM Thăng Long PCB 40 1.410
- XM Phúc Sơn: 1.390
- XM Hoàng Mai: 1.510

7. Tại Hải Dương: - XM Chinfon: 1.450 - Hoàng Thạch: 1.490

- XM Cẩm phả PCB 40	1.380	- XM Phúc Sơn:	1.400
---------------------	-------	----------------	-------

8. Tại Hưng Yên: - XM Hoàng Thạch: 1.460

- XM Chin Fon:	1.380	- XM Bút Sơn:	1.450
-XM Phúc Sơn:	1.310		

9. Tại Thanh Hoá: - XMVLXD Bỉm Sơn: 1.150

- XM Bỉm Sơn: 1.390
- XM Nghi Sơn PCB 40 1.290
- XM Hoàng Mai 1.350
- XM Tam Điệp: 1.310

10. Tại Ninh Bình: - XM Tam Điệp: 1.300 - XM Hệ Dưỡng: 1.120 (giá tại nhà máy)

- XM Bỉm Sơn: 1.300

11. Tại Nam Định: -XM Hoàng Thạch: 1.450 XM Cẩm phả: 1.370

- XM Bỉm Sơn: 1.490
- XM Bút Sơn: 1.450
- XM Chin Fon: 1.450

12. Tại Thái Bình:

- XM Bỉm Sơn: 1.460
- XM Chin Fon: 1.410
- XM Thăng Long: 1.410
- XM Bút Sơn: 1.460
- XM Cẩm phả: 1.390

13. Tại Hà Nội.

- XM Chin Fon: 1.375
- XM Phúc Sơn: 1.510
- XM Tam Điệp: 1590
- XM Hoàng Thạch: 1.610
- XM Bỉm Sơn: 1600
- XM Bút Sơn: 1590
- XM Thăng Long PCB 40: 1.530
- XM Nghi Sơn PCB 40:1.570
- XM Cẩm Phả: 1.540

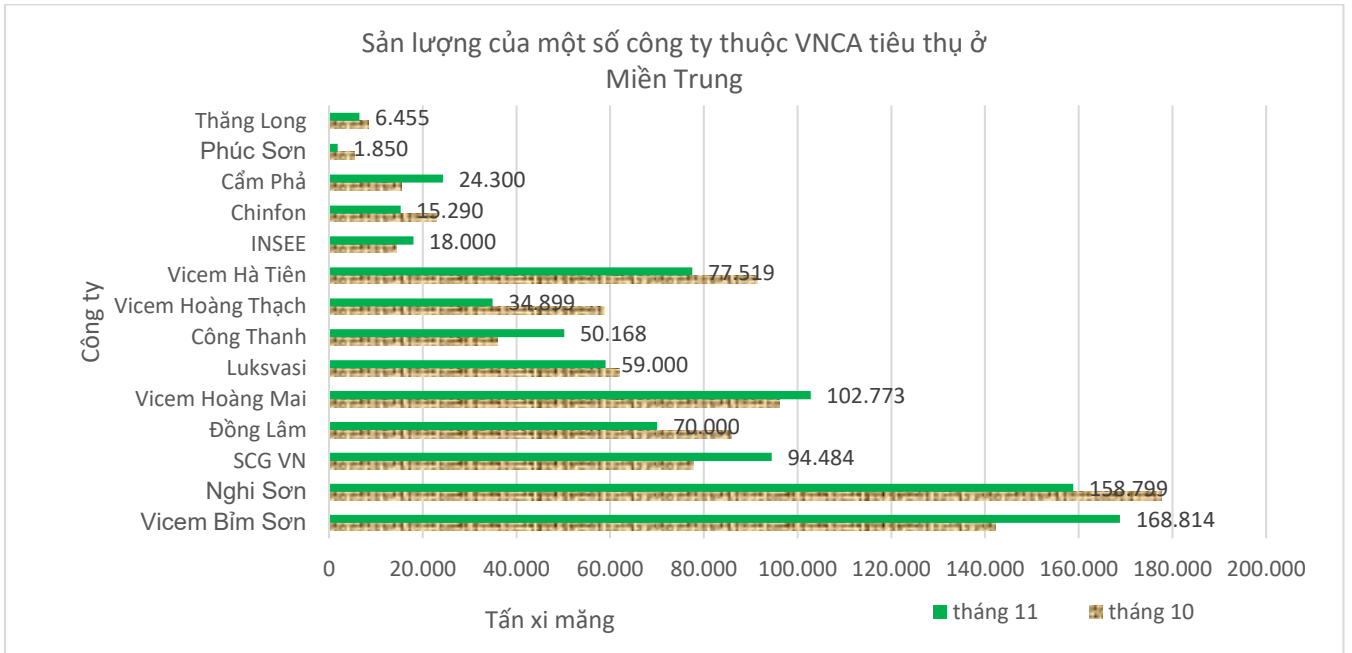
15. Tại Hải phòng: - XM ChinFon: 1.490 XM Cẩm phả: 1.450

- XM Hải phòng: 1.490
- XM Phúc Sơn: 1.420

II. Thị trường xi măng miền Trung:

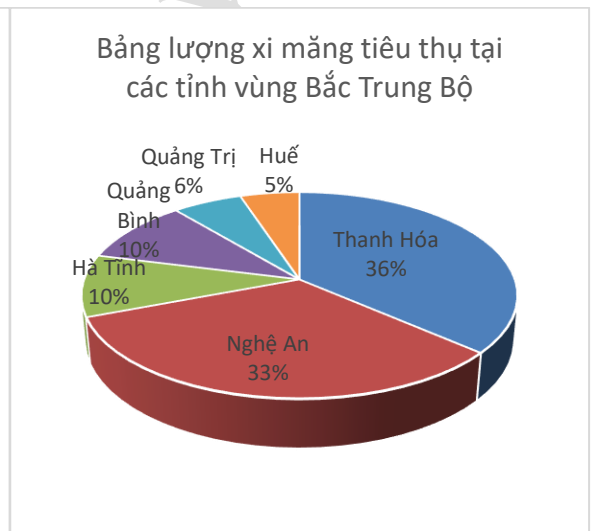
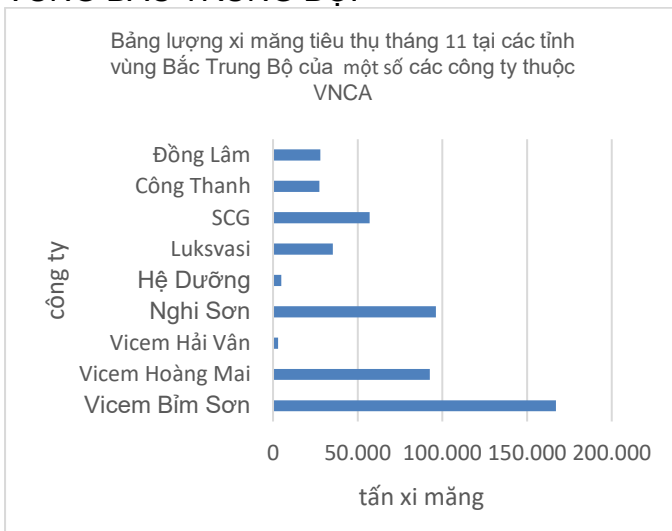
Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Trung tháng 11/2021: 1.448.287 tấn (tháng 10 là 1.422.247 tấn).

Sản lượng tiêu thụ tại miền Trung của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:

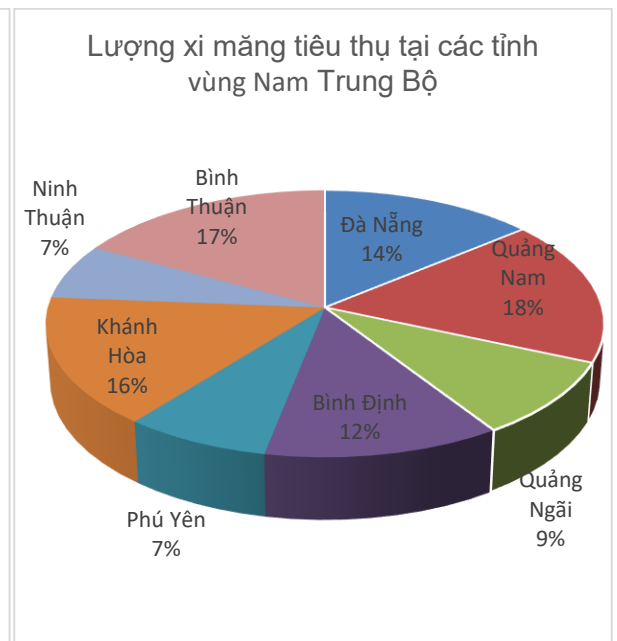
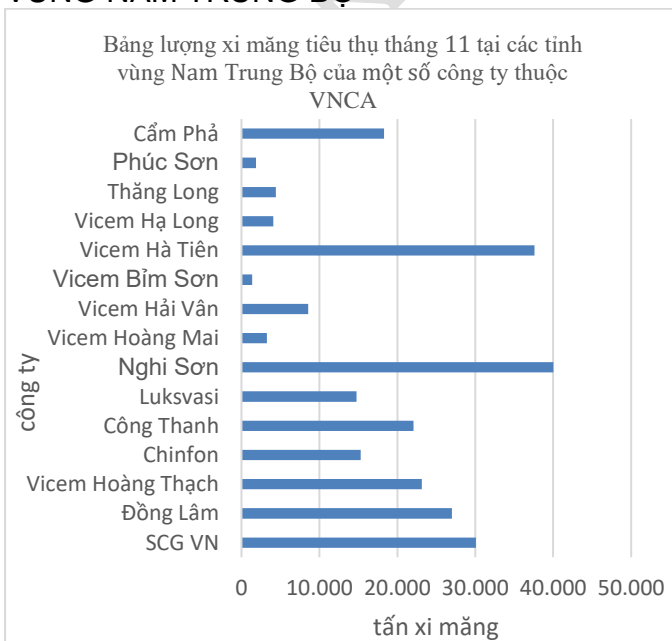


Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Trung trong tháng 11/2021 như sau:

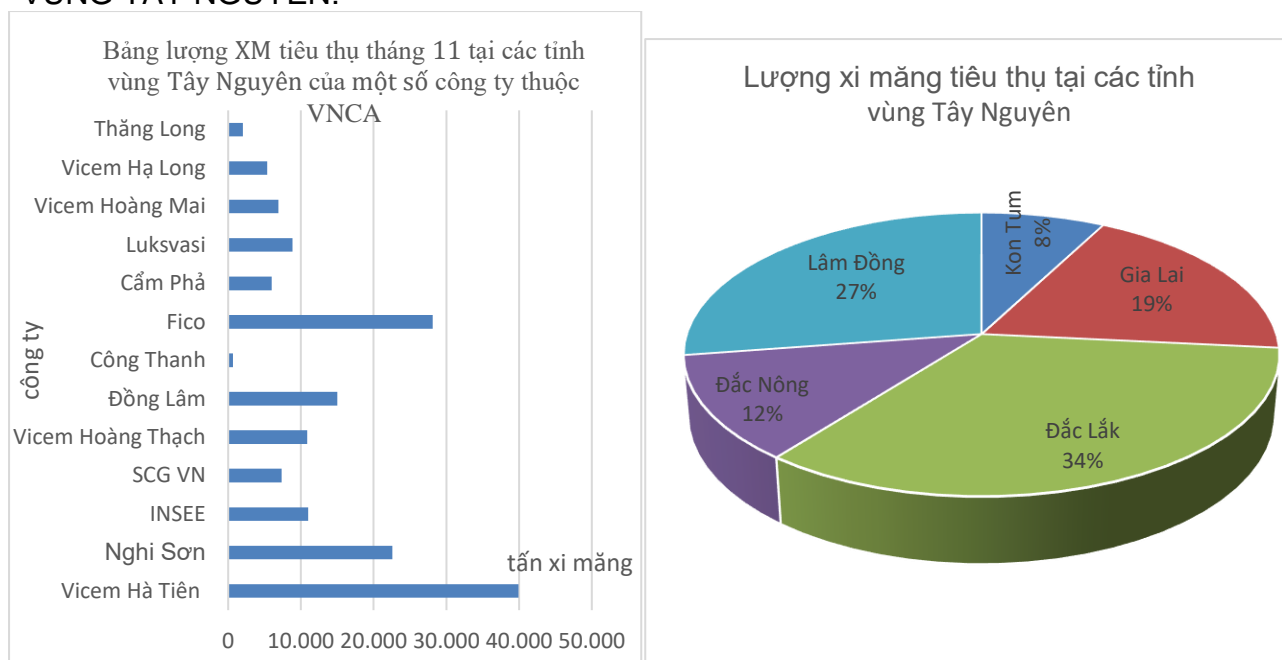
VÙNG BẮC TRUNG BỘ:



VÙNG NAM TRUNG BỘ



VÙNG TÂY NGUYÊN:



Giá bán lẻ một số chủng loại xi măng trên địa bàn Miền Trung như sau: (đơn vị: nghìn đồng/tấn)

*** Giá XM tại Nghệ An, Hà Tĩnh:**

- XM Sông Gianh: 1.100
- XM Bỉm Sơn: 1.410
- XM Hoàng Mai PCB 40: 1.410

*** Giá XM tại Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế:**

- XM COSEVCO 11: 1.100
- XM Quảng Trị: 980
- XM Sông Gianh: 1.360
- XM Luks VN PCB 40: 1.300
- XM Hoàng Mai PCB 40: 1.400

*** Giá XM tại Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi:**

- XM Sông Gianh: 1.540
- XM Hải Vân (tại Nhà máy): 1.450

- XM Nghi Sơn PCB 40: 1.480
- XM Hoàng Thạch PCB 40: 1.600
- XM Hoàng Mai PCB 40: 1.580
- XM Phúc Sơn: 1.530
- XM luks VN PCB 40: 1.590
- ChinFon: 1.440

*** Giá XM tại Gia lai, Đắk Lắk, Kontum:**

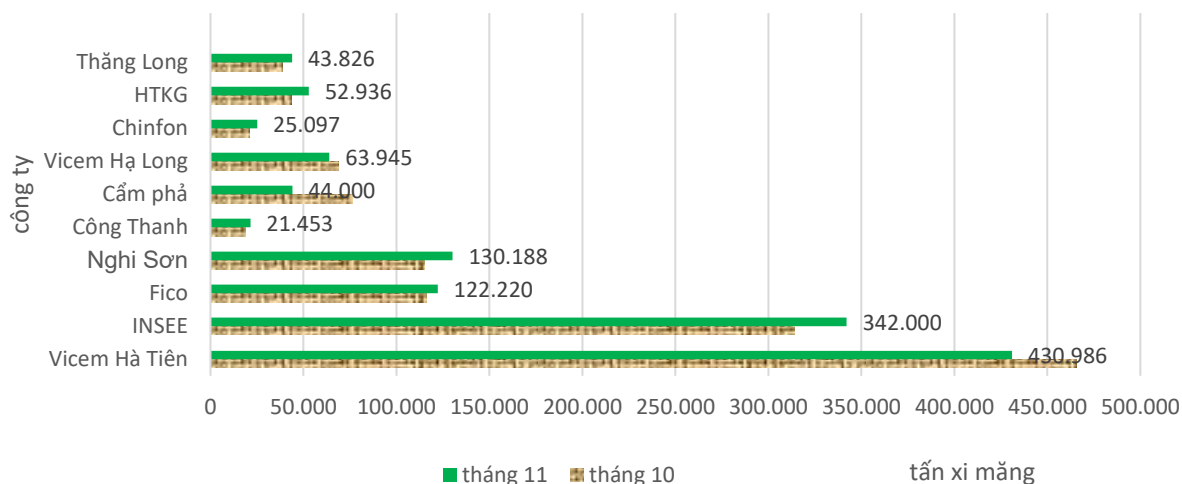
- XM Hoàng Thạch: 1.880
- XM Hà tiên Vicem PCB 40(giá đến người tiêu dùng): 1.950
- XM Thăng Long 1.800
- XM Hoàng Mai PCB 40: 1.890

III. Thị trường xi măng Miền Nam:

Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Nam là: 1.985.080 tấn (tháng 10 là 1.913.965 tấn).

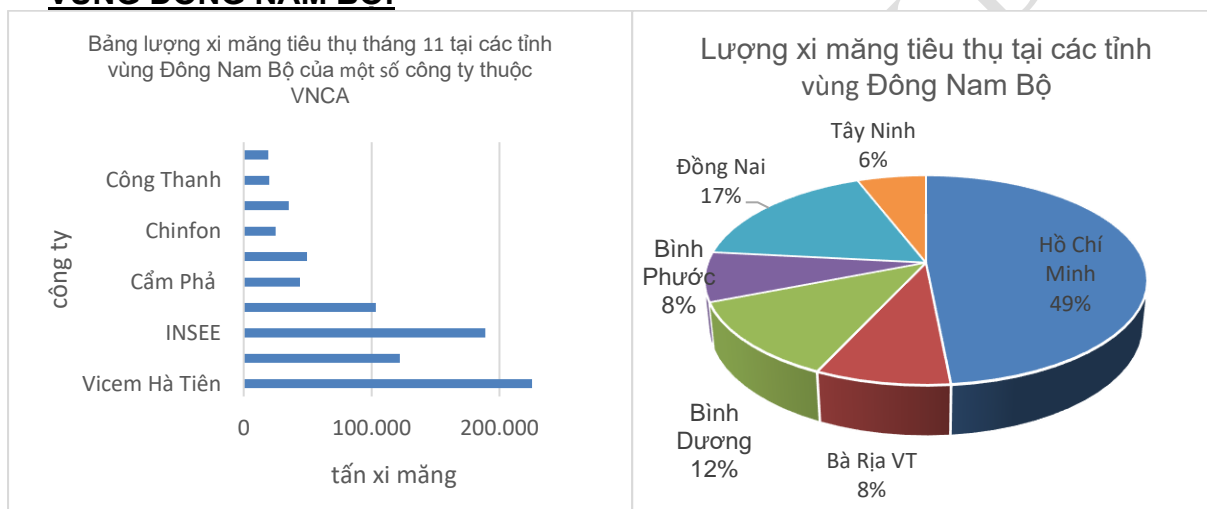
Sản lượng tiêu thụ tại miền Nam của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:

Sản lượng của một số công ty thuộc VNCA tiêu thụ ở Miền Nam

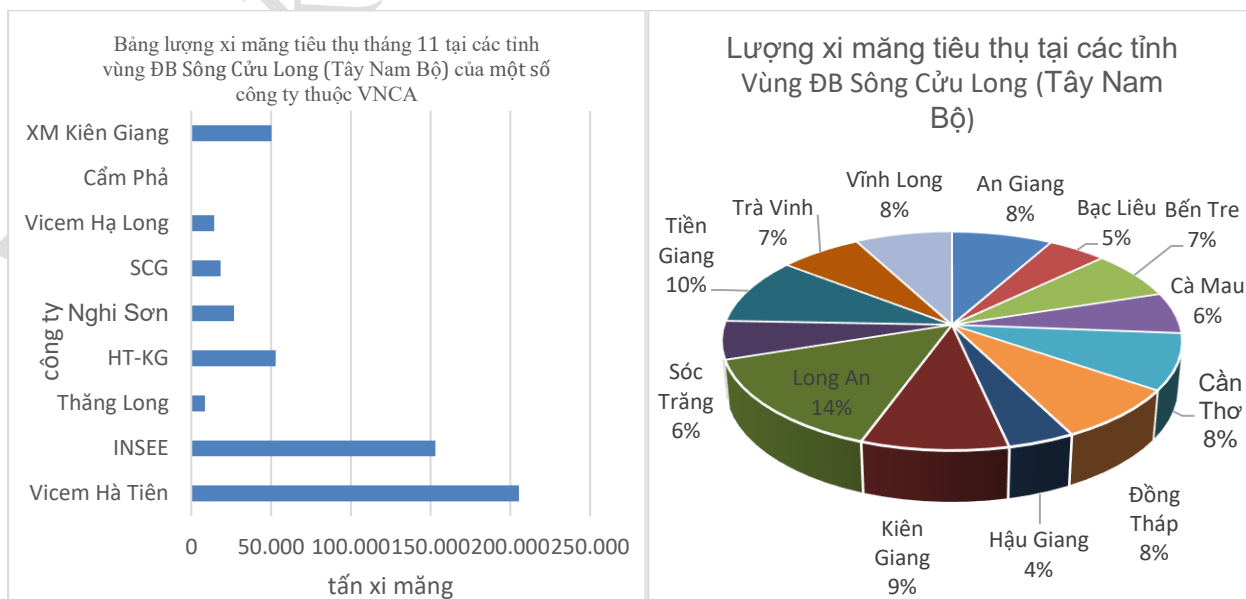


Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Nam tháng 11/2021 như sau:

VÙNG ĐÔNG NAM BỘ:



VÙNG ĐB SÔNG CỬU LONG (TÂY NAM BỘ):



Giá một số chủng loại xi măng trên địa bàn Miền Nam như sau: (đơn vị: nghìn đồng/tấn)

*** Giá xi măng tại Thành phố HCM:**

- XM Vicem -Hà Tiên PCB 40 (giá đến người tiêu dùng) : 1.800 ; XM Starcem: 1.700
- XM Nghi Sơn PCB 40: 1.690 - XM FICO: 1.600
- XM ChinFon :1.580 - XM INSEE đa dụng PCB 40: 1.730 (giá tại nhà máy)
- XM Cẩm phả PCB 40: 1.680 - XM Công Thanh: 1.600 (giá đến người tiêu dùng)

*** Giá xi măng tại Cần Thơ và các tỉnh lân cận:**

- XM FICO Tây Ninh: 1.600 - XM Nghi Sơn PCB 40: 1.620
- XM Tây Đô tại Công ty PCB 40 1.394; PCB 50 xá: 1.353 XM Hà tiên Vicem PCB 40 đa dụng giá đến người tiêu dùng): 1.520
- INSEE: 1.800

*** Giá xi măng tại Kiên Giang:**

- XM Hà tiên Vicem PCB 40 (giá đến người tiêu dùng): 1.580
- XM Hà Tiên-Kiên Giang (cá sấu) PCB 30 tại kho: 1.150 PCB 40: 1.250
- XM Kiên giang (hiệu sư tử tháp) PCB 40: 1.250

Nhận xét chung thị trường nội địa:

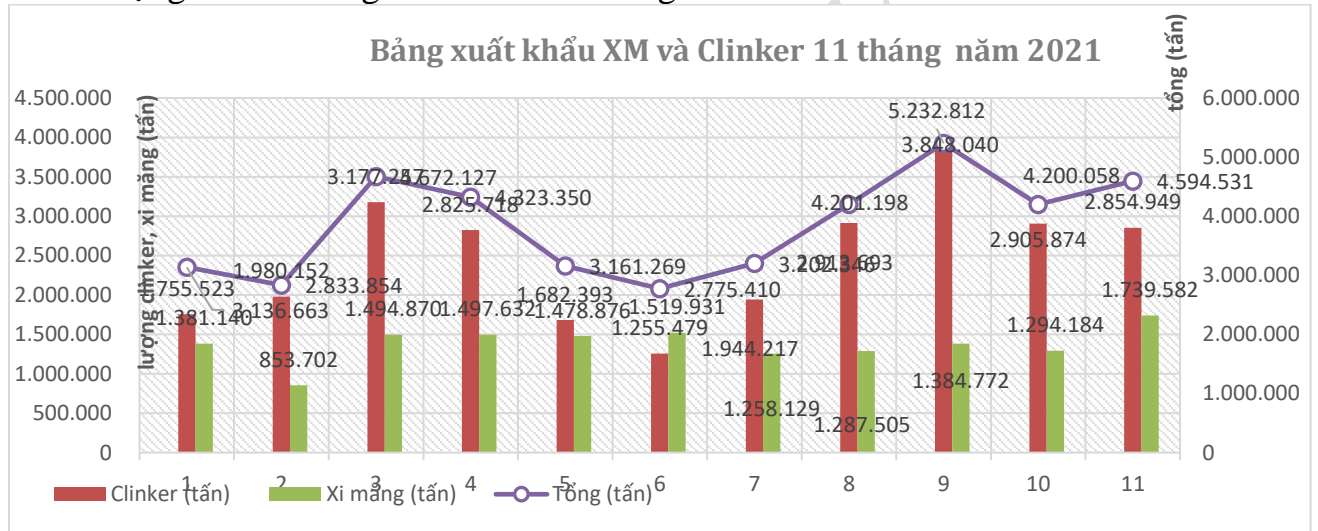
Về tiêu thụ xi măng: tăng nhẹ do nhu cầu xây dựng cuối năm.

Về giá bán xi măng: ổn định sau khi tăng giá hồi cuối tháng 10 và đầu tháng 11/2021

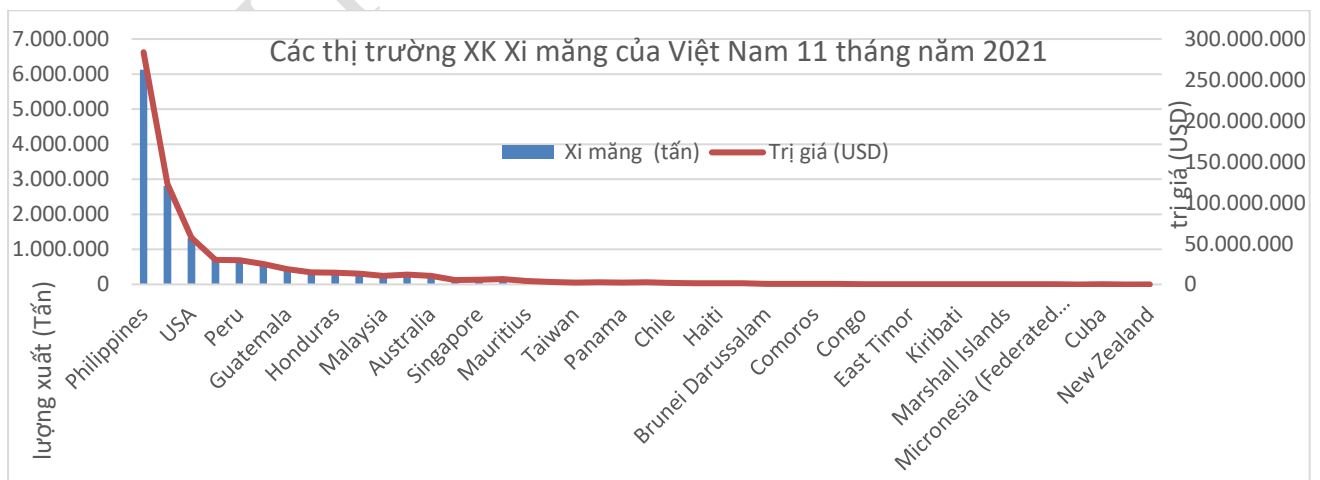
Tồn kho cuối tháng 11: Xi măng: 0,8 triệu tấn; clinker: 3,4 triệu tấn.

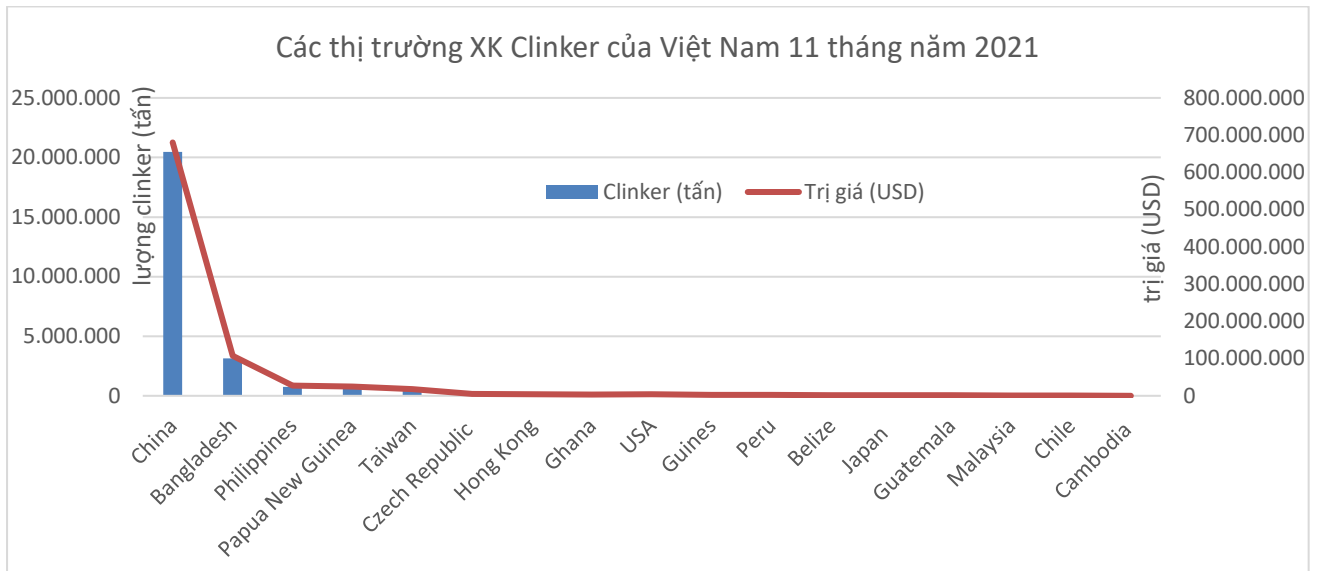
B- XUẤT KHẨU (XK):

1. Lượng XK xi măng và clinker 11 tháng 2021 như sau:

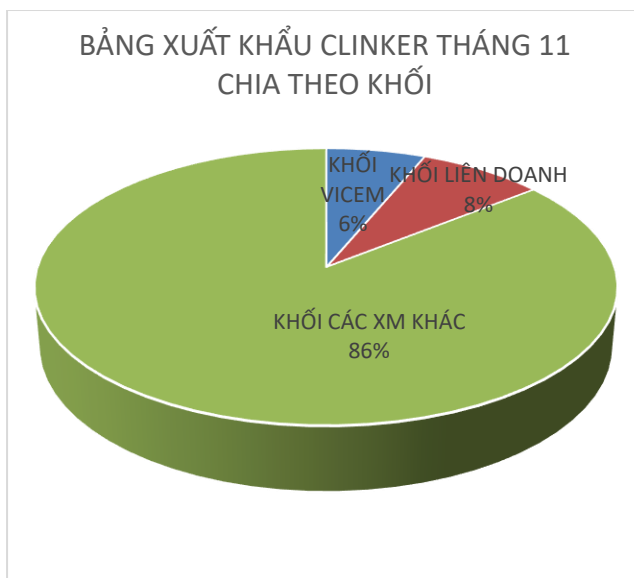


2. Các thị trường XK xi măng và clinker của Việt Nam 11 tháng năm 2021:

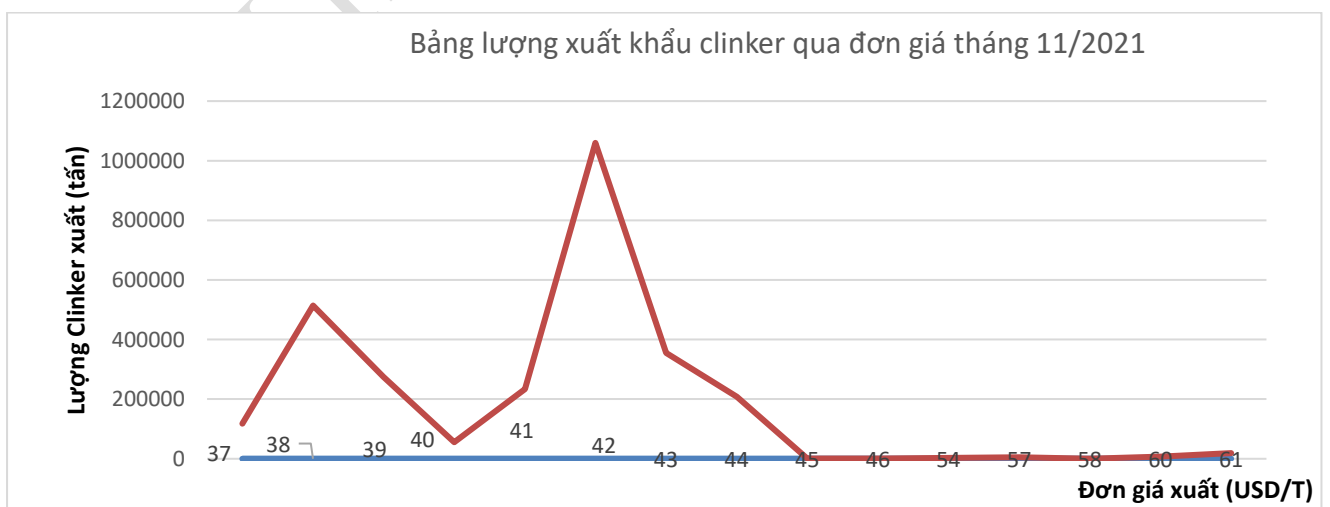




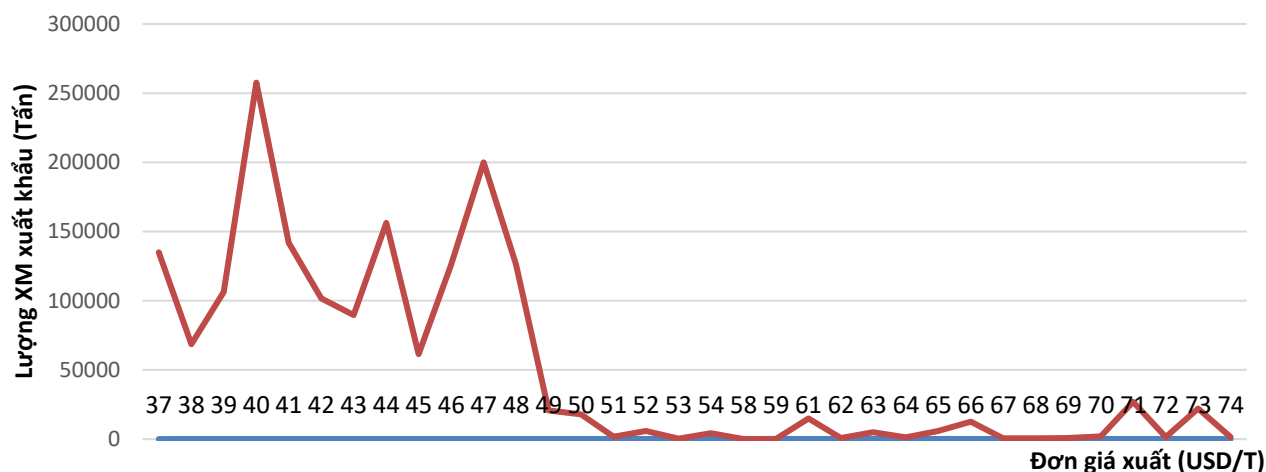
3. Sản lượng xuất khẩu xi măng và clinker tháng 11 chia theo các khối:



4. Bảng lượng và đơn giá xuất khẩu xi măng loại thông thường và clinker trong tháng 11/2021 như sau:



Bảng lượng xuất xi măng thông dụng qua đơn giá tháng 11/2021



C- SX THÁNG 11/2021, KẾ HOẠCH THÁNG 12 VÀ LŨY KẾ TTND NĂM 2021:

Đơn vị: Tấn

	Đơn vị	SX XM tháng 11/2021	Lũy kế SX xi măng 2021	Kế hoạch TTND T12/2021	Lũy kế TTND năm 2021
A	Khối VICEM	2.249.127	19.318.115	1.861.000	18.137.417
1	Vicem Hải Phòng	141.814	1.354.860	230.000	2.307.314
2	Vicem Bim Sơn	327.834	2.586.510	250.000	2.600.819
3	Vicem Hoàng Thạch	336.881	2.976.845	340.000	3.334.596
4	Vicem Bút Sơn	310.119	2.485.468	270.000	2.476.281
5	Vicem Hà Tiên	518.046	4.684.399	516.000	5.339.910
6	Vicem Hải Vân	35.832	432.781	12.000	88.053
7	Vicem Hoàng Mai	139.165	1.240.641	112.000	955.321
8	Vicem Tam Điệp	134.014	1.026.794		27
9	Vicem Hạ Long	208.163	1.595.512	130.500	1.024.987
10	Vicem Sông Thao	97.259	934.305	500	5.947
B	Khối LD	1.430.748	15.041.765	1.310.760	12.863.973
1	XM Nghi Sơn	437.717	4.165.618	395.500	3.519.200
2	XM Chinfon	201.106	2.483.478	149.900	2.451.825
3	Siam City Cement	400.000	3.630.000	400.000	3.305.096
4	XM Luks(Vietnam)	75.000	1.055.000	60.000	794.000
5	XM Thăng Long	110.000	1.175.000	90.000	719.570
6	XM Hệ Dưỡng	26.925	337.669	62.160	335.170
7	SCG VN	150.000	1.745.000	135.000	1.500.444
8	XM Phúc Sơn	30.000	450.000	18.200	238.668
C	Khối các Cty xm khác	3.350.000	37.008.481	2.600.000	25.570.000
	Toàn XH: (A+B+C)	7.029.875	71.368.361	5.771.760	56.571.390

Đánh giá:

- TTNĐ tháng 11/2021: 5.570.069 tấn bằng 93% so với cùng kỳ năm 2020, bằng 106% so với tháng 10/2021. Tổng tiêu thụ nội địa 11 tháng năm 2021 là 56.571.390 tấn giảm 2% cùng kỳ năm 2020.
- Xuất khẩu tháng 11/2021: 4.594.531 tấn (trong đó xi măng 1.739.582 tấn và clinker là 2.854.949 tấn) bằng 146% so với cùng kỳ 2020, bằng 109% so với tháng 10/2021. Tổng xuất khẩu 11 tháng năm 2021 đạt 42.333.618 tấn (trong đó xi măng là 15.190.323 tấn và clinker là 27.143.295 tấn) bằng 123% so với cùng kỳ năm 2020.
- TTNĐ và xuất khẩu tháng 11/2021: 10.164.600 tấn bằng 111% so với cùng kỳ năm 2020, bằng 108% so với tháng 10/2021.
- TTNĐ và XK 11 tháng năm 2021 đạt 98.905.008 tấn bằng 108% so với cùng kỳ năm 2020.